

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CÔNG BỐ MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH				
1	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 (1.000004)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
2	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động (1.004998)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (1.010707)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
4	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (1.001737)				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
6	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.010709)				
7	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.010708)				
8	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia (1.010710)				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
B	DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Danh mục đã được công bố tại số thứ tự: 22, 23, 24, 25, 26, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 55 Mục II, Phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; số thứ tự: 01; 02; 03 phụ lục I và số thứ tự: 01; 02; 03; 04; 05; 06; 07; 08 phụ lục II Danh mục kèm theo Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
1	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (1.001023)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
2	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (1.010711)				
3	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002877)				
4	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002869)				
5	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (1.000703)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng (2.002286)				
7	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (2.002287)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (2.002288)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
9	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (2.002289)				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
11	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002859)				
12	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)				
13	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002852)				
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (1.002063)				
15	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (1.001577)				
16	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (1.002286)				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.001765)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
18	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.004993)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
19	Cấp Giấy phép xe tập lái (1.001735)	01 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo			
20	Cấp lại Giấy phép xe tập lái (1.001751)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
21	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô (1.001777)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
22	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo (1.001623)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
23	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác (1.005210)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
24	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (1.004987)	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			